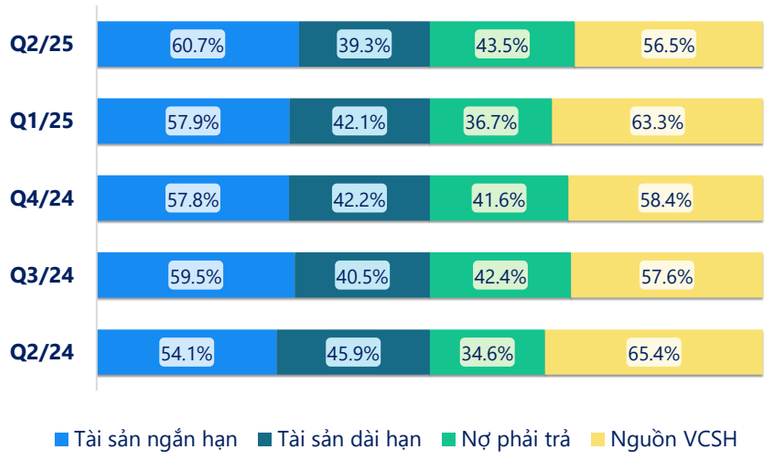
FireAnt

CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,215
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,055
SL cổ phiếu LH	9,517,289
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,025
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	114
P/E	6.4
EPS	1,873

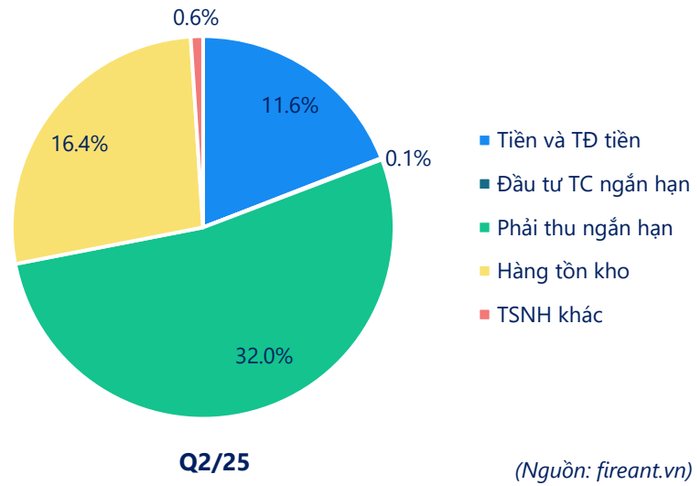
	YTD	1T	3T	6T
TV3	10.9%	4.4%	1.1%	9.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



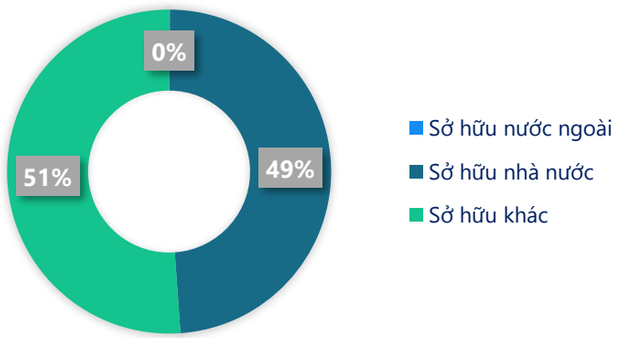
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



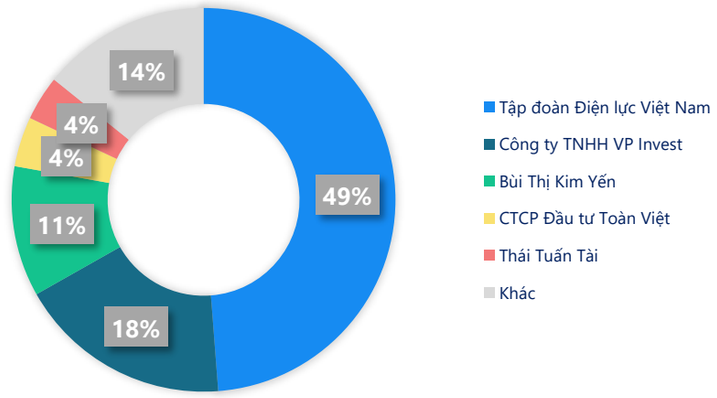
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



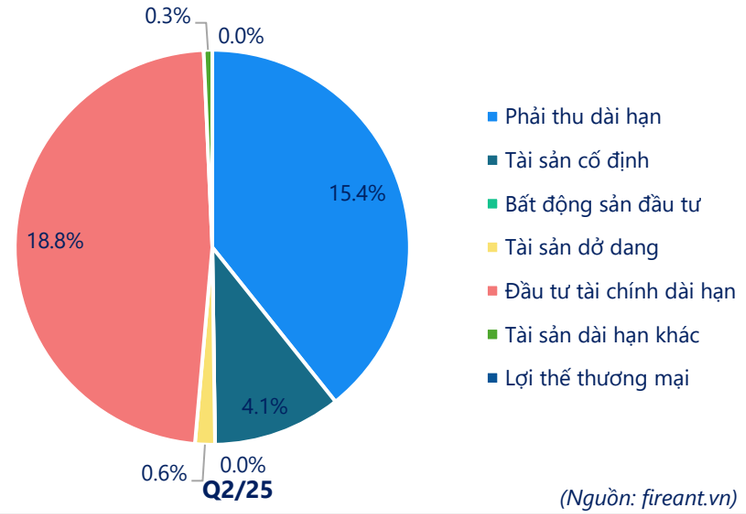
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

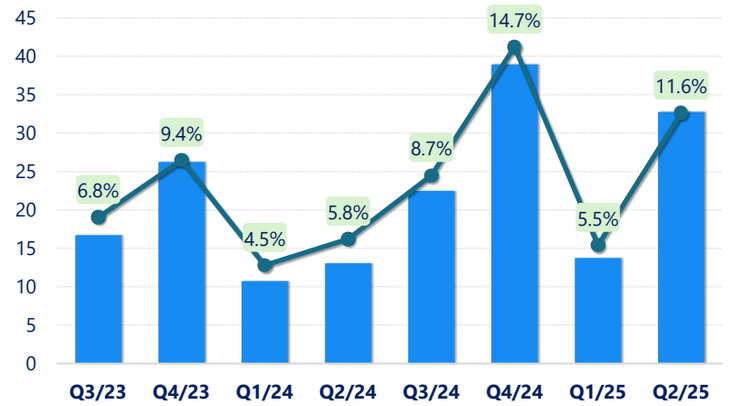


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

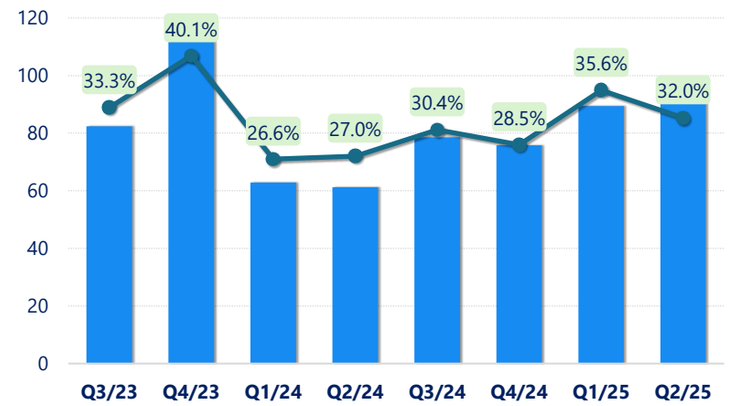
CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)

Tiền và tương đương tiền



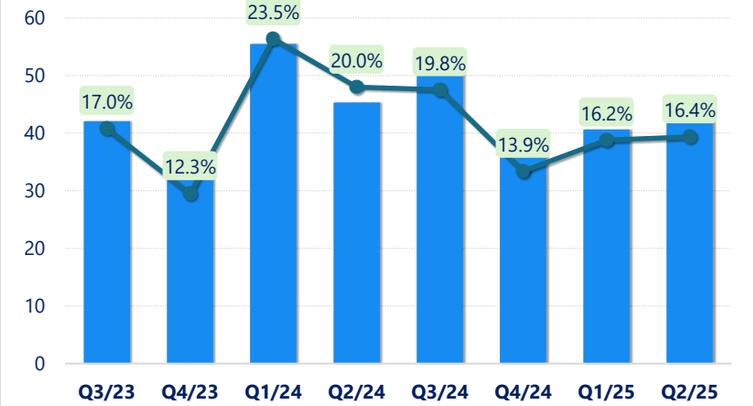
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



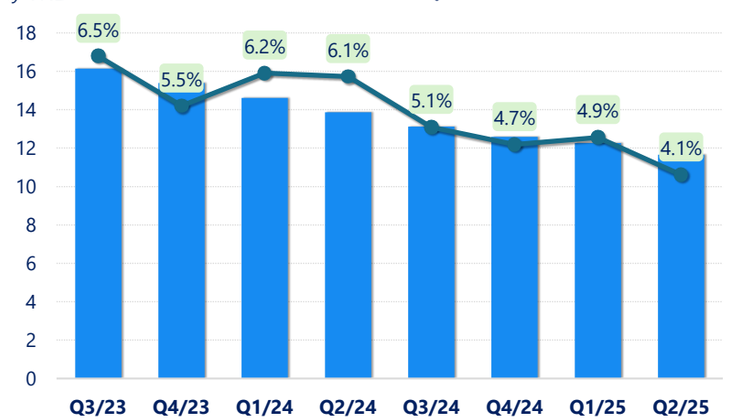
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



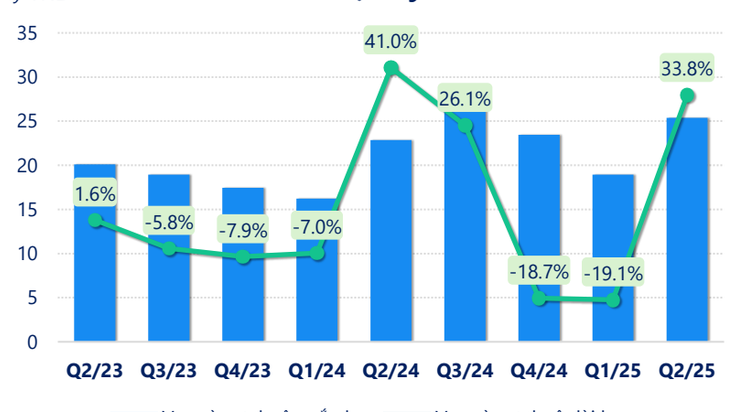
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



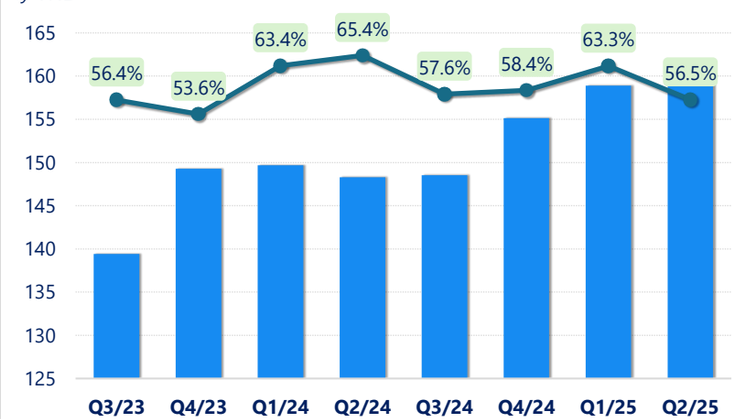
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

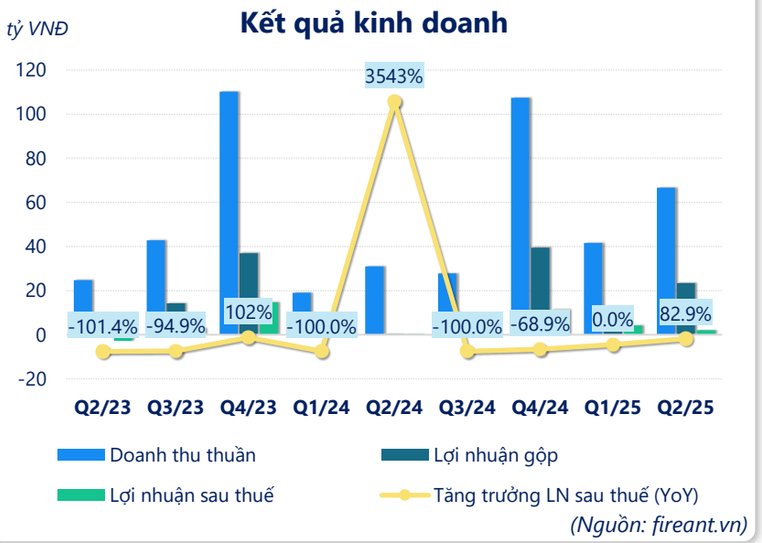


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

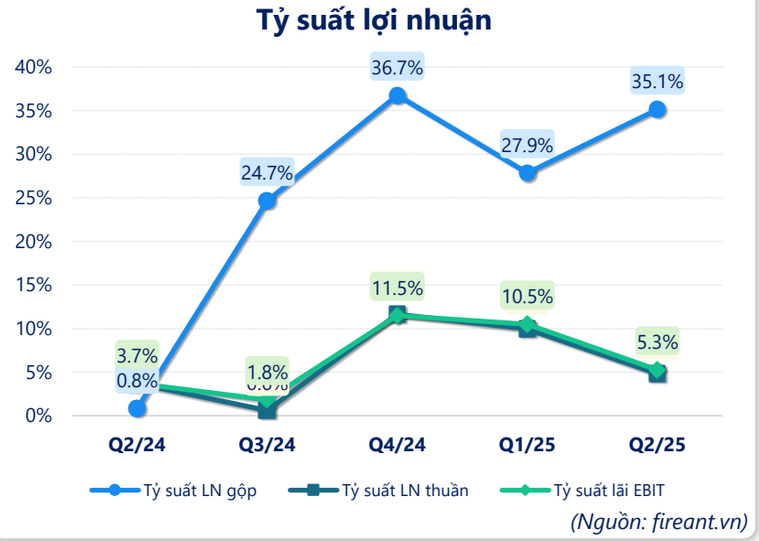
CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)

Kết quả kinh doanh



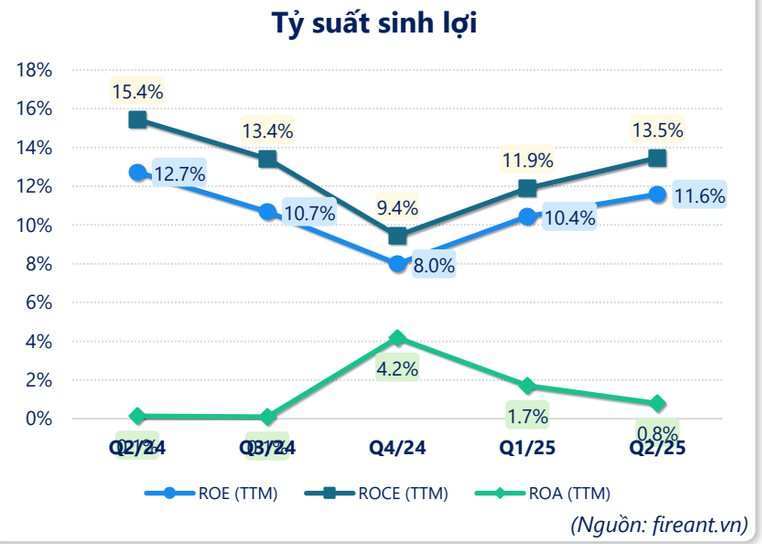
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



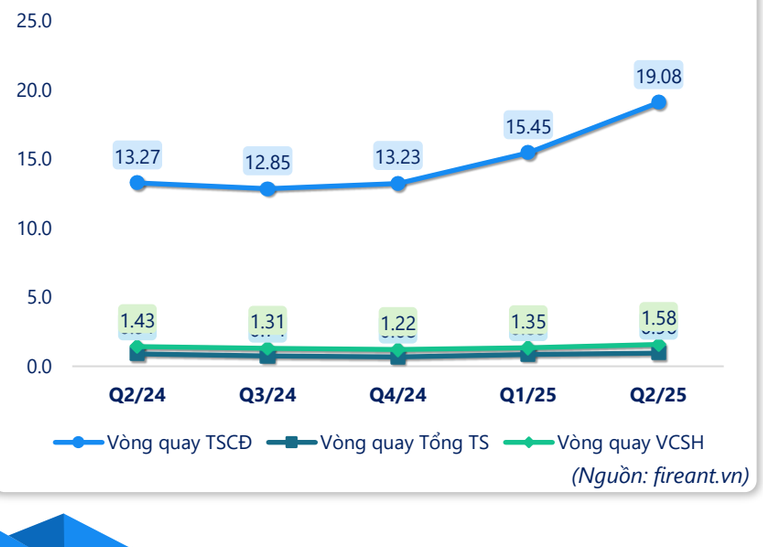
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



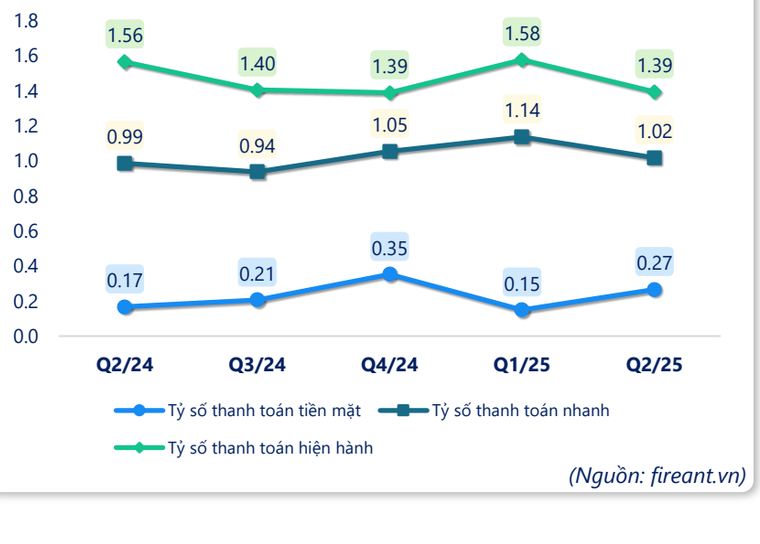
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



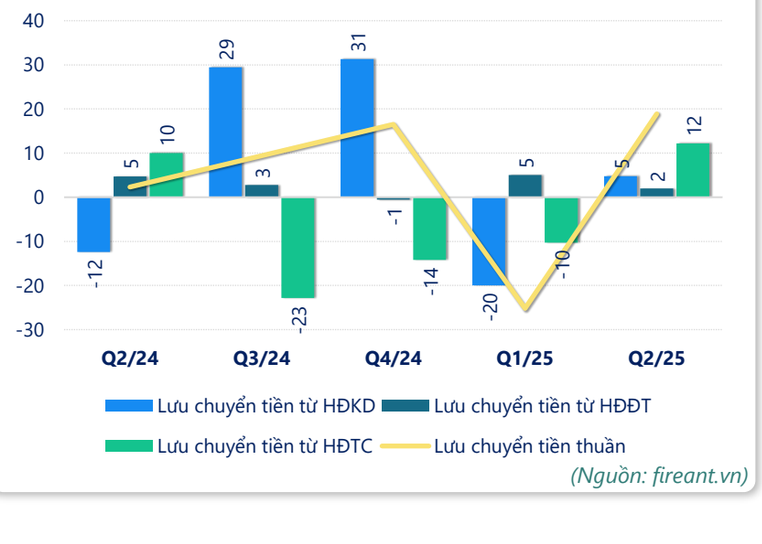
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3 (HNX: TV3)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**282**	**266**	**6.3%**
Tài sản ngắn hạn	172	154	11.7%
Tiền và tương đương tiền	32.7	38.9	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0.22	0.0%
Phải thu ngắn hạn	90.4	76.0	19.0%
Hàng tồn kho	46.3	36.6	26.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.78	1.73	3.1%
Tài sản dài hạn	**111**	**112**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	43.6	44.4	-1.8%
Tài sản cố định	11.6	12.6	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.80	1.37	31.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.2	53.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.78**	**0.64**	**22.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	123	111	10.9%
Nợ ngắn hạn	**123**	**111**	**10.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.4	23.4	8.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.3	15.4	6.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**159**	**155**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**159**	**155**	**3.1%**
Vốn điều lệ	95.2	95.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	31.0	27.8	107	41.6	66.7
Giá vốn hàng bán	30.7	20.9	67.9	30.0	43.2
Lợi nhuận gộp	0.26	6.85	39.4	11.6	23.4
Doanh thu HĐTC	5.15	2.93	0.64	5.09	2.93
Chi phí TC	0.43	0.55	0.61	0.45	1.22
Chi phí lãi vay	0.20	0.26	0.22	0.18	0.32
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.15	2.09	5.54	3.39	7.39
Chi phí QLDN	2.68	6.97	21.4	8.71	14.5
LN thuần từ HĐKD	1.15	0.17	12.5	4.14	3.21
Lợi nhuận khác	-0.20	0.08	-0.39	0.05	-0.02
LN trước thuế	0.95	0.25	12.1	4.18	3.19
Lợi nhuận sau thuế	0.32	0.25	11.4	4.18	2.03
LNST của CĐ cty mẹ	0.32	0.25	11.4	4.18	2.03

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.4	29.4	31.3	-19.9	4.76
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.72	2.78	-0.56	5.06	1.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.0	-22.8	-14.2	-10.3	12.2
Tiền đầu kỳ	10.7	13.1	22.5	38.9	13.8
Lưu chuyển tiền thuần	**2.32**	**9.40**	**16.5**	**-25.2**	**18.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.11
Tiền cuối kỳ	13.1	22.5	38.9	13.8	32.7

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic